

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: HUỲNH XUÂN HIỆP

2. Ngày tháng năm sinh: 17/02/1973 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Đông Phước A, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh: Số 167, Đường B3, Khu Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 167, Đường B3, Khu Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: + 84 (0) 9 85 79 60 67;

E-mail: hxhiiep@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1996 đến năm 1997: Trợ giảng (hợp đồng). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Từ năm 1996 đến năm 1998: Học thạc sĩ tại Viện Tin học Pháp ngữ (l'Institute de la Francophonie pour l'Informatique) – Trường Đại học bách khoa Hà Nội. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 1997 đến năm 1999: Trợ giảng. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 1999 đến năm 2001: Chủ nhiệm Câu lạc bộ Công nghệ Thông tin – Đoàn TNCSHCM - Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 1999 đến năm 2013: Giảng viên (15.111). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2001 đến năm 2001: Giảng viên thỉnh giảng - Học viện công nghệ Campuchia. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2002 đến năm 2004: Phó trưởng Bộ môn Hệ thống Thông tin & Toán ứng dụng – Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2003 đến năm 2006: Học tiến sĩ tại Trường Đại học bách khoa Nantes – Cộng hòa Pháp. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2007 đến năm 2009: Trưởng phòng Nghiên cứu chuyên sâu – Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2007 đến năm 2009: Phụ trách cao học ngành “Hệ thống thông tin”, cấp bằng của Trường Đại học Cần Thơ. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2007 đến năm 2010: Phó chủ tịch công đoàn bộ phận - Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2007 đến năm 2018: Phụ trách cao học ngành “Khám phá tri thức từ dữ liệu”, cấp bằng của Trường Đại học bách khoa Nantes (Cộng hòa Pháp). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2008 đến năm 2020: Đảng ủy viên – Đảng bộ Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2008 đến năm 2010: Chi ủy viên Chi bộ Tin học – Đảng bộ Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Từ năm 2009 đến năm 2010: Học lớp cao cấp lý luận chính trị - hành chính tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (khu vực II). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2010 đến năm 2011: Phụ trách cao học ngành “Hệ thống thông tin”, cấp bằng của Trường Đại học Cần Thơ. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2010 đến năm 2014: Phụ trách nhóm nghiên cứu liên ngành DREAM (Decision-support Research for Environmental Applications and Models) kết hợp với Viện nghiên cứu phát triển Pháp (IRD). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2011 đến năm 2011: Giảng viên trao đổi - Trường Đại học Kemi-Tornio (Phần Lan). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông)

Từ năm 2011 đến năm 2012: Phó trưởng khoa - Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông (phụ trách nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2012 đến năm 2020: Phó giáo sư. Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2012 đến năm 2018: Phó trưởng khoa - Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông (phụ trách nghiên cứu khoa học). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2013 đến năm 2017: Giảng viên chính (15.110). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2014 đến năm 2014: Giảng viên thỉnh giảng - Đại học Brest (Cộng hòa Pháp). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2015 đến năm 2016: Học HDR (Habilitation à Diriger des Recherches) tại Đại học Brest (l'Université de Bretagne Occidentale (Cộng hòa Pháp). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2017 đến năm 2020: Giảng viên cao cấp (V.07.01.01). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Từ năm 2018 đến năm 2020: Phó trưởng khoa - Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông (phụ trách nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ). Công tác tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông).

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông – Trường Đại học Cần Thơ.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Địa chỉ cơ quan: Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại cơ quan: +84 (0) 29 23 73 47 14.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng:..... năm:.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Cần Thơ.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 09 năm 1996, ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 06 tháng 06 năm 2000, ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Tin học sử dụng tiếng Pháp, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 12 năm 2007, ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Nantes, Cộng hòa Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 12 tháng 12 năm 2012, ngành: Công nghệ Thông tin.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu xây dựng các hệ thống thông tin (information systems) nhằm hỗ trợ ra quyết định (decision support).

- Nghiên cứu đánh giá chất lượng tri thức với các độ đo hấp dẫn/lợi ích/chất lượng (interestingness measures) trên các luật kết hợp (association rules).

- Nghiên cứu vấn đề tích hợp (aggregation) các độ đo hấp dẫn/lợi ích/chất lượng.

- Nghiên cứu về mô hình hóa đa mức (multiscale modeling) trong các hệ thống mô phỏng (simulation) trên các vấn đề về môi trường.

- Nghiên cứu về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và phát triển đời sống xã hội.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng): 44HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 189 bài báo KH, trong đó 51 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 8, trong đó 8 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

STT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Lao động giỏi (1998 - 1999)	Trường Đại học Cần Thơ	1999
2	Lao động giỏi (2001 - 2002)	Trường Đại học Cần Thơ	2002
3	Giảng viên giỏi cấp cơ sở (2002 - 2003)	Trường Đại học Cần Thơ	2004
4	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (2006 - 2007)	Trường Đại học Cần Thơ	2007
5	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (2007 - 2008)	Trường Đại học Cần Thơ	2008
6	Bằng khen Liên đoàn lao động (2007 - 2008)	Ban chấp hành Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ	2008
7	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (2008 - 2009)	Trường Đại học Cần Thơ	2009
8	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (2009 - 2010)	Trường Đại học Cần Thơ	2010
9	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (2010 - 2011)	Trường Đại học Cần Thơ	2011
10	Bằng khen Bộ trưởng (2010 - 2011)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012
11	Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2013

12	Kỷ niệm chương vì thế hệ trẻ	Ban chấp hành trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	2013
13	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (2012 - 2013)	Trường Đại học Cần Thơ	2013
14	Bằng khen Bộ trưởng (2013 - 2014)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014
15	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (2013 - 2014)	Trường Đại học Cần Thơ	2014
16	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (2014 - 2015)	Trường Đại học Cần Thơ	2015

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có.				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

1.1 TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ GIÁO (Điều 67, Luật Giáo dục năm 2019)

Về phẩm chất, tư tưởng và đạo đức

Tôi luôn chấp hành và bảo vệ đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tôi không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

Về đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm

Tôi đã tốt nghiệp Kỹ sư Tin học (Trường Đại học Cần Thơ, năm 1996), Thạc sĩ Tin học (Viện Tin học sử dụng tiếng Pháp, năm 1998), Tiến sĩ Tin học (Trường Đại học bách khoa Nantes - Cộng hòa Pháp, năm 2006). Tôi cũng đã tiếp tục phấn đấu đủ điều kiện Phó giáo sư ngành Công nghệ thông tin năm 2012.

Tôi cũng đã phấn đấu đủ điều kiện cho các chức danh nghề nghiệp như giảng viên (15.111, năm 1999), giảng viên chính (15.110, năm 2013) và giảng viên cao cấp (V.07.01.01, năm 2012).

*Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Về kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*

Tôi luôn ý thức cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực và trau dồi chuyên môn nghiệp vụ một cách thường xuyên và liên tục.

Tôi đã tham gia cập nhật kiến thức thông qua các khóa học ngắn hạn các nội dung liên quan đến kiến thức chuyên môn (viễn thám, IoT,...), phương pháp giảng dạy (lấy sinh viên làm trung tâm, từ xa,...), phương pháp nghiên cứu khoa học (cách viết một bài báo khoa học,...) và chuyển giao công nghệ (chuyển giao công nghệ ở Việt Nam - VETEC, đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ,...).

Về bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp

Tôi luôn ý thức giữ gìn sức khỏe tốt, đảm bảo công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

1.2 NHIỆM VỤ CỦA NHÀ GIÁO (Điều 69, Luật Giáo dục năm 2019)

Giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục

Có tinh thần và thái độ công tác tốt

Tôi luôn trung thực, nhiệt tình và hoàn thành tốt các công tác được giao. Tích cực hỗ trợ công tác hợp tác quốc tế.

Nhiệt tình trong nghiên cứu khoa học

Tôi đã và đang tham gia cũng như làm chủ nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Tôi đã tham gia 2 đề tài cấp Nhà nước (KC.01.15/06-10), 1 đề tài cấp Bộ trọng điểm (Bộ Giáo dục & Đào tạo), 3 đề tài cấp Trường (Trường Đại học Cần Thơ). Tôi đã hoàn tất việc chủ nhiệm 2 đề tài cấp tỉnh/thành phố (Đồng Tháp, Cần Thơ) và 1 đề tài cấp Bộ (Bộ Giáo dục & Đào tạo).

Tôi đã thực hiện nhiều bài báo cũng như báo cáo khoa học cho các tạp chí, hội nghị trong và ngoài nước (Tạp chí Tin học & Điều khiển học, Tạp chí khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam, Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, ACM, IEEE, IEEE Computer Society, Springer-Verlag,...).

Tôi cũng tham gia làm thành viên ban biên tập của một số Tạp chí có uy tín (Tạp chí Tin học và Điều khiển học, Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, EAI Endorsed Transactions on Scalable Information Systems, EAI Endorsed Transactions on Ambient Systems,...) và thành viên ban chương trình của một số hội nghị quốc gia và quốc tế (FAIR, @, ICMLSC, ICIIT, KSE, CTU-CICT,...).

Tôi cũng tham gia phản biện cho một số tạp chí uy tín (ISI/WoS, Scopus,.. <https://publons.com/researcher/2254883/hiep-xuan-huynh/>).

Tôi cũng tham gia tổ chức một số hội thảo quốc gia và quốc tế (ICTACS 2010, @ 2011, FAIR 2016, RIVF 2015, KSE 2020,...).

*Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Hoàn thành tốt công tác giảng dạy*

Tôi đã và đang giảng dạy nhiều môn học/học phần trong chương trình đào tạo kỹ sư/cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ tin học/công nghệ thông tin từ năm 1998 đến nay.

Tôi cũng được mời làm giảng viên thỉnh giảng tại Học viện Công nghệ Campuchia năm 2001, giảng viên trao đổi với Trường Đại học khoa học ứng dụng Kemi - Tornio (Phần Lan) năm 2011, giảng viên thỉnh giảng tại Đại học Brest (Pháp) năm 2014.

Hướng dẫn luận văn tốt nghiệp đại học

Tôi đã hướng dẫn (chính và phụ) thành công nhiều luận văn tốt nghiệp đại học (cấp bằng của Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Cửu Long).

Hướng dẫn luận văn tốt nghiệp thạc sĩ

Tôi đã hướng dẫn (chính và phụ) thành công nhiều luận văn tốt nghiệp thạc sĩ (cấp bằng của Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học bách khoa Nantes, Trường Đại học Công nghệ Thông tin – Đại học quốc gia TP HCM, Trường Đại học Trà Vinh, Viện Tin học Pháp ngữ) chuyên ngành tin học/công nghệ thông tin (hệ thống thông tin, kỹ thuật phần mềm, khoa học máy tính, khai thác tri thức từ dữ liệu,...).

Hướng dẫn nghiên cứu sinh

Tôi đã và đang tham gia đồng hướng dẫn nhiều nghiên cứu sinh cấp bằng của Đại học Brest (Pháp) và Đại học Pierre & Marie-Curie/Paris 6/Sorbonne Université (Pháp).

Tôi cũng đã hoàn thành việc hướng dẫn chính 2 nghiên cứu sinh cấp bằng của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học bách khoa - Đại học Đà Nẵng. Hiện giờ tôi đang tiếp tục hướng dẫn chính các nghiên cứu sinh cấp bằng của Trường Đại học Cần Thơ và Trường Đại học bách khoa - Đại học Đà Nẵng.

Biên soạn giáo trình và viết sách

Tôi đã chủ biên và tham gia biên soạn 6 giáo trình “Nhập môn Công nghệ phần mềm” (2011), “Bảo trì phần mềm” (2014), “Kiến trúc và Thiết kế phần mềm” (2015), “Quản lý dự án phần mềm” (2015), “Thiết kế web” (2018), “Kỹ thuật dự báo” (2019) cho trình độ kỹ sư/cử nhân; 1 giáo trình “Mô hình hóa quyết định” (2014) và 1 sách chuyên khảo “Công nghệ thông tin trong hỗ trợ ra quyết định về giáo dục, nông nghiệp, thủy sản và môi trường vùng Đồng bằng sông Cửu Long” (2016) cho trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác giảng dạy ở Trường Đại học Cần Thơ.

Guong mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo

Tôi luôn gương mẫu trong thực hiện nghĩa vụ công dân, chấp hành điều lệ của nhà trường và tuân thủ quy tắc ứng xử của nhà giáo.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học

Tôi luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của một nhà giáo.

Tôi cũng luôn đối xử công bằng với người học (sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh,...).

Tôi cũng luôn ý thức bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học (sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh,...).

Học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học

Tôi đã hoàn thành các chứng chỉ “Triết học sau đại học” (Trường Đại học bách khoa Hà Nội, năm 1999), “Giáo dục học đại học” (Trường Đại học bách khoa Hà Nội, năm 2000), “Phương pháp giảng dạy” (Trường Đại học Cần Thơ, năm 2001), “Bồi dưỡng cán bộ quản lý và công chức Nhà nước ngành giáo dục” (Học viện Quản lý giáo dục, năm 2008), “Nghiệp vụ sư phạm” (Trường Đại học Cần Thơ, năm 2019) và “Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp” (Học viện Quản lý giáo dục, năm 2018).

Tôi cũng đã hoàn thành việc học tập bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh do Hội đồng giáo dục quốc phòng TP. Cần Thơ tổ chức năm 2007.

Tôi cũng đã hoàn tất việc học tập lớp cao cấp lý luận chính trị - hành chính tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (khu vực II) từ 09/2009 đến 08/2010.

Tôi cũng đã theo học và được cấp bằng HDR (Habilitation à Diriger des Recherches) của Đại học Brest (Université de Bretagne Occidentale - UBO), Cộng hòa Pháp trong năm học 2015-2016.

Tôi cũng đã tham gia nhiều khóa học ngắn hạn để cập nhật kiến thức và tình hình chuyên môn (chuyên sâu về sở hữu trí tuệ, thiết kế bài giảng trực tuyến, phương pháp viết và xuất bản một bài báo khoa học,...).

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 22 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015					270	126	396/671/224
2	2015-2016					235	129	364/795/189

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

3	2016-2017					332	129	461/748/189
3 năm học cuối								
4	2017-2018					330	129	459/700/189
5	2018-2019	1				473	274	747/950/189
6	2019-2020	1				475	272	747/850/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:.....; Từ năm đến năm.....
 - Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2006.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:.....; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Pháp.....
 - Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện công nghệ Campuchia (ITC).....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phan Quốc Nghĩa	x		x		08/2014 đến 08/2018	Trường Đại học bách khoa – Đại học Đà Nẵng	2019

2	Phan Phương Lan	x		x		01/2016 đến 01/2020	Trường Đại học bách khoa – Đại học Đà Nẵng	2020
---	-----------------	---	--	---	--	---------------------------	--	------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận chức danh PGS							
1	Nhập môn Công nghệ phần mềm	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2011	2	VC		1218/GXN-ĐHCT (12/06/2020)
Sau khi được công nhận chức danh PGS							
2	Mô hình hóa quyết định	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2014	3	VC		1223/GXN-ĐHCT (12/06/2020)
3	Bảo trì phần mềm	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2014	2	VC		1217/GXN-ĐHCT (12/06/2020)
4	Kiến trúc và Thiết kế phần mềm	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2015	4	CB		1219/GXN-ĐHCT (12/06/2020)
5	Quản lý dự án phần mềm	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2015	3	CB		1220/GXN-ĐHCT (12/06/2020)
6	Công nghệ thông tin trong hỗ trợ ra quyết định về giáo dục, nông nghiệp, thủy sản và môi trường vùng Đồng bằng sông Cửu Long	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2016	2	CB		1224/GXN-ĐHCT (12/06/2020)

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

7	Thiết kế web	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2018	2	CB	1222/GXN- ĐHCT (12/06/2020)
8	Kỹ thuật dự báo	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2019	2	VC	1221/GXN- ĐHCT (12/06/2020)

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 1 (5).

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang... đến trang... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận chức danh PGS					
1	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý hành chính phục vụ lãnh đạo cấp huyện, tỉnh	CN	09/2010/HĐ-ĐT, cấp Tỉnh	01/06/2010 đến 30/06/2011	(30/06/2011) / Khá
Sau khi được công nhận chức danh PGS					
2	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển nông nghiệp và công nghiệp nông thôn	CN	11.2010 .ĐT.CNTT, cấp Tỉnh	01/06/2010 đến 31/05/2012	(31/05/2013) / Khá
3	Tối ưu hóa mạng giám sát rầy nâu sử dụng bẫy đèn tự động tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	CN	B2014-16-32, cấp Bộ	04/04/2014 đến 03/05/2018	(03/05/2018) / Khá

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận chức danh PGS								
1	A data analysis approach for evaluating the behavior of interestingness measures	3	Có	(LNCS) Discovery Science	[ISSN 0302-9743] Springer Q2 - Scopus		3735, 330-337	2005
2	ARQAT: An exploratory analysis tool for interestingness measures	3	Có	ASMDA 2005: Proceedings of the 11th International Symposium on Applied Stochastic Models and Data Analysis	[ISBN 2-908849-15-1]		334-344	2005
3	ARQAT: plateforme exploratoire pour la qualité des règles d'association	3	Có	(RNTI) Revue des Nouvelles Technologies de l'Information - Extraction des connaissances: état et perspectives	[ISSN 1764-1667] Cépaduès - Scopus		RNTI-E-6, 415-420	2005
4	Une plateforme exploratoire pour la qualité des règles	3	Có	Quaderni Di Ricerca In Didattica	[ISSN 1592-5137]		2, 15, 339-349	2005

	d'association : apports pour l'analyse implicative							
5	Clustering interestingness measures with positive correlation	3	Có	ICEIS 2005: Proceedings of the 7th International Conference on Enterprise Information Systems	[ISBN 972-8865-19-8]		248-253	2005
6	Extracting representative measures for the post-processing of association rules	3	Có	RIVF 2006: Proceedings of the 2006 International Conference on Research, Innovation and Vision for the Future	[ISBN 1-4244-0316-2] IEEE - Scopus		100-106	2006
7	Evaluating interestingness measures with linear correlation graph	3	Có	(LNCS) Advances in Applied Artificial Intelligence	[ISSN 0302-9743] Springer Q2 - Scopus		4031, 312-321	2006
8	A graph-based approach for comparing interestingness measures	3	Có	ICEIS 2006: Proceedings of the First International Conference on Engineering of Intelligent Systems	IEEE - Scopus		1-6	2006
9	Discovering the stable clusters between interestingness measures	3	Có	ICEIS 2006: Proceedings of the 8th International Conference on Enterprise Information Systems	[ISBN 972-8865-41-4]		196-201	2006
10	Comparaison des mesures d'intérêt de règles d'association : une approche basée sur des graphes de corrélation	3	Có	(RNTI) Revue des Nouvelles Technologies de l'Information	[ISSN 1764-1667] - Scopus		RNTI-E-6, 549-560	2006
11	A graph-based clustering approach to evaluate interestingness measures: A tool and a comparative study	6	Có	(SCI) Quality Measures in Data Mining	[ISSN 1860-949X] Springer Q4 -Scopus		43, 25-50	2007

12	Tối ưu hóa thời gian thi hành truy vấn trong hệ thống nhà kho dữ liệu với hướng tiếp cận view materialization	4	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-2333]	08, 75-84	2007
13	Đánh giá sự phân cụm bền vững của các độ đo lợi ích trên các luật kết hợp ứng với hệ số tương quan Kendall	4	Không	@ 2007: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ X “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	1-10	2007
14	Finding the most interesting association rules by aggregating objective interestingness measures	3	Không	(LNCS) Knowledge Acquisition: Approaches, Algorithms and Applications	[ISSN 0302-9743] Springer Q2 - Scopus	5465, 40-49	2008
15	Ranking objective interestingness measures with sensitivity values	4	Không	(VNUJS) VNU Journal of Science, Natural Sciences and Technology	[ISSN 0866-8512]	24, 2, 122-132	2008
16	Phân cụm độ đo lợi ích trên cơ sở cấu trúc summary	3	Có	ICTFIT 2008: Tuyển tập công trình nghiên cứu CNTT&TT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	65-71	2008
17	On interestingness measure interaction	3	Không	RIVF 2008: Proceedings of the 2008 IEEE International Conference on Research, Innovation and Vision for the Future in Computing & Communication Technologies	[ISSN 1242- 5125] ENST S	1-6	2008
18	Improving the postprocessing of association rules with aggregated interestingness values	3	Không	(VAST-JST) Journal of Science and Technology – Special Issue on Theories and Application of Computer Science	[ISSN 0866-708X] (Vietnam Academy of Science and Technology)	46, 5A, 113-126	2008

19	An agent-based approach to the simulation of brown plant hopper (BPH) invasions in the Mekong Delta	3	Không	RIVF 2010: Proceedings of the 2010 International Conference on computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future	IEEE - Scopus		1-6	2010
20	Tiếp cận đa tác tử mô phỏng sự lan truyền dịch bệnh ở cá da trơn	3	Không	ICTFIT 2010: Tuyển tập công trình nghiên cứu CNTT&TT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		25-34	2010
21	Dự báo mức độ nhiễm rầy theo thời gian	3	Không	ICTFIT 2010: Tuyển tập công trình nghiên cứu CNTT&TT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		62-70	2010
22	Dự báo né rầy theo thời gian	3	Không	@ 2010: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ X “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		1-13	2010
23	Modeling and simulation of shrimp diseases propagation in river networks and inside pond	3	Không	(VAST-JST) Journal of Science and Technology – Special Issue on Theories and Application of Computer Science	[ISSN 0866-708X] (Vietnam Academy of Science and Technology)		48, 4, 62-72	2010
24	Modeling the brown plant hoppers surveillance network using agent-based model: application for the Mekong Delta region	4	Không	SoICT 2011: Proceedings of the Second Symposium on Information and Communication Technology	ACM - Scopus		127-136	2011
25	On weather affecting to brown plant hopper invasion using an agent-based model	4	Không	MEDES 2011: Proceedings of the International Conference on Management of Emergent Digital EcoSystems	ACM - Scopus		150-157	2011
26	Estimating the density of brown plant hoppers from	4	Không	(LNCS) Active Media Technology	[ISSN 0302-9743]		6890,	2011

	a light-traps network based on unit disk graph				Springer Q2 - Scopus		276-287	
27	On segmentation of interaction values	3	Không	(SCI) Developing Concepts in Applied Intelligence	[ISSN 1860-949X] Springer Q4 - Scopus		363, 27-32	2011
28	Phân lớp các độ đo hấp dẫn khách quan	2	Có	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-333]		20, a, 147-158	2011
29	Tiếp cận đa tác tử trên môi trường hệ thống thông tin địa lý mô phỏng sự lan truyền dịch bệnh cá tra	3	Không	(JICT) Tạp chí Công nghệ Thông tin & Truyền thông	[ISSN 1859-3526]		V-1, 6(26), 32-44	2011
30	Xác định chính sách hộ nghèo với mạng quyết định có thứ tự	3	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-333]		18, a, 93-104	2011
31	Xác định chiến lược dinh dưỡng trẻ em với mạng quyết định không thứ tự	3	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-333]		18, a, 105-117	2011
32	Mô phỏng sự lan truyền bệnh gan thận mũ trên cá tra theo đa cấp độ	3	Không	@ 2011: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XIV “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		225-237	2011
33	Mô phỏng lượng xe du lịch theo tour	3	Không	@ 2011: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XIV “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		216-224	2011
34	Spatial estimator of brown plant hopper density from light traps data	4	Không	RIVF 2012: Proceedings of the 2012 International Conference on computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future	IEEE - Scopus		1-6	2012

35	Simulation of salinity intrusion in the context of the Mekong Delta region (Vietnam)	3	Không	RIVF 2012: Proceedings of the 2012 International Conference on computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future	IEEE – Scopus		1-4	2012
36	Modeling a surveillance network based on unit disk graph technique – Application for monitoring the invasion of insects in Mekong Delta region	4	Không	(LNCS) Principles and Practice of Multi-Agent Systems	[ISSN 0302-9743] Springer Q2 - Scopus		7455, 228-242	2012
37	Upscaling and assessing information of agriculture indicators in agent-based assessment model from field to region scale	3	Không	KSE 2012: Proceedings of the Fourth International Conference on Knowledge and Systems Engineering	IEEE - Scopus		136-142	2012
38	Dynamic evaluating rice pest risk state of decision maker agents in rice pest management model	3	Không	2012 Sixth UKSim/AMSS European Symposium on Computer Modeling and Simulation	IEEE Computer Society - Scopus		39-47	2012
39	Toward an agent-based multi-scale recommendation system for brown plant hopper control	3	Không	2012 Sixth UKSim/AMSS European Symposium on Computer Modeling and Simulation	IEEE Computer Society - Scopus		9-14	2012
40	Modelling multi-criteria decision making ability of agents in agent-based rice pest risk assessment model	3	Không	(LNCS) Active Media Technology	[ISSN 0302-9743] Springer Q2 - Scopus		7669, 134-144	2012
41	Assessing rice area infested by brown plant hopper using agent-based	3	Không	(LNCS) Intelligent Information and Database Systems	[ISSN 0302-9743] Springer		7196, 43-52	2012

	and dynamically upscaling approach				Q2 - Scopus			
42	Ứng dụng kỹ thuật phân rã ma trận đa quan hệ trong xây dựng hệ trợ giảng thông minh	2	Không	@ 2012: Hội thảo khoa học quốc gia lần thứ XV “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		470-477	2012
43	Designing multicriteria decision making agents in agent-based model for rice pest risk management	3	Không	CIMSim 2012: The Fourth International Conference on Computational Intelligence, Modelling and Simulation	IEEE Computer Society		88-93	2012
Sau khi được công nhận chức danh PGS								
44	Optimizing an environmental surveillance network with Gaussian process entropy – An optimization approach by agent-based simulation	4	Không	(FAIA) Advanced Methods and Technologies for Agent and Multi-Agent Systems	[ISSN 0922-6389] IOS Q3 – Scopus		252, 102-114	2013
45	An implementation of framework of business intelligence for agent-based simulation	8	Không	SoICT 2013: Proceedings of the Fourth Symposium on Information and Communication Technology	ACM - Scopus		35-44	2013
46	Mô phỏng diễn biến ngập dưới tác động của lượng mưa tại Đồng bằng sông Cửu Long	3	Không	@ 2013: Hội thảo quốc gia lần thứ XVI: “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		174-181	2013
47	Designing a brown planthoppers surveillance network based on wireless sensor network approach	5	Không	CoRR abs/1312.3692	arxiv.org		1-6	2013
48	Dự báo ngắn hạn lưu lượng gọi vào trung tâm tiếp nhận cuộc gọi	3	Không	FAIR 2013: Kỷ yếu Hội nghị KHCN quốc gia lần	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		122-129	2013

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

				thứ VI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT				
49	Mô hình trao đổi thông tin nhiều chiều phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn	5	Không	Tuyển tập báo cáo khoa học về công nghệ sáng tạo trong nông nghiệp Việt Nam năm 2013	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		79-93	2013
50	Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên tiếp cận trung bình trọng số được sắp thứ tự	3	Không	@ 2013: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XVI “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		66-73	2013
51	Tư vấn học tập nhóm bậc đại học trên cơ sở tiếp cận lớp tương đồng lớn nhất trong hệ thống thông tin đa trị	5	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-2333]		123-133	2013
52	Khai khoáng và ứng dụng của mẫu episode mở rộng trên dữ liệu phụ thuộc thời gian	4	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-2333]		109-114	2013
53	Nâng cao độ chính xác phân loại lớp ít mẫu từ tập dữ liệu mất cân bằng	3	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-2333]		72-79	2013
54	Sử dụng mạng Bayes và xích markov để dự báo mức độ cháy và lan truyền rầy nâu	2	Không	CTU-CNS 2013: Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Tự nhiên	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ		255-266	2013
55	Tiếp cận đa tác tử mô phỏng quá trình xâm nhập mặn khi nước biển dâng	4	Không	CTU-CNS 2013: Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Tự nhiên	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ		267-274	2013
56	Identifying the effects of Brown Plant Hopper (BPH) based on rice images	4	Không	SIOD 2013: 2013 International Conference on Statistics and its Interactions with Other Disciplines	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		1-9	2013

57	Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên tiếp cận trung bình trọng số kết hợp với trung bình trọng số được sắp thứ tự	2	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-2333]		47-55	2013
58	Mô phỏng sự kiểm soát quá trình phát triển của quần thể rầy nâu bằng cách sử dụng nấm <i>Metarhizium</i> trên đồng ruộng	3	Không	FAIR 2013: Kỷ yếu Hội nghị KHCN quốc gia lần thứ VI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		472-483	2013
59	Mô phỏng xâm nhập mặn trên hệ thống sông tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long	4	Không	FAIR 2014: Kỷ yếu Hội nghị KHCN quốc gia lần thứ VII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		296-306	2014
60	Co-modeling: An agent-based approach to support the coupling of heterogeneous models	4	Không	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		165, 156-170	2014
61	Establishing operational models for dynamic compilation in a simulation platform	4	Không	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		165, 117-131	2014
62	Mô phỏng sự phát tán rầy nâu dưới sự tác động của côn trùng thiên địch	3	Không	FAIR 2014: Kỷ yếu Hội nghị KHCN quốc gia lần thứ VII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		284-297	2014
63	Xác định cấp độ cháy rừng với luật quyết định đa trị	3	Không	@ 2014: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XVII “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		402-408	2014
64	Forecasting white spot disease on black tiger	3	Có	NAFOSTED 2014: Proceedings of the First	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		359-370	2014

	prawns using bayesian networks			NAFOSTED Conference on Computer Science				
65	Đồ thị bao phủ cho mạng cảm biến không dây cảnh báo cháy rừng	3	Không	Hội thảo khoa học về Công nghệ Thông tin với biến đổi khí hậu trong phát triển sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu ở Việt Nam	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		88:1-8	2014
66	Hệ thống thông tin quyết định đa trị cảnh báo rầy nâu	3	Không	Hội thảo khoa học về Công nghệ Thông tin với biến đổi khí hậu trong phát triển sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu ở Việt Nam	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		87:1-12	2014
67	Mô phỏng hiện trạng ngập địa hình do nước biển dâng tại tỉnh Bạc Liêu (vùng Đồng bằng sông Cửu Long)	4	Không	GIS 2014: Kỳ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ		2, 507-516	2014
68	Hệ thống thông tin quyết định đa trị cảnh báo cháy rừng	3	Không	(STJARD) Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - Chuyên đề “Phát triển nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long”	[ISSN 1859-4581]		111-121	2014
69	Mô hình phân cấp cho dự báo lượng mưa	3	Không	FAIR 2014: Kỳ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ VII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		246-255	2014
70	Monitoring environmental factors in Mekong Delta of Vietnam using wireless sensor network approach	5	Không	FoodSim 2014: Proceedings of the 8 th International conference on Simulation and Modelling in the Food and Bio-Industry	- Scopus		71-78	2014

71	Mô hình đồ thị tìm kiếm vị trí địa lý dựa trên cấu trúc Balltree	2	Không	@ 2014: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XVII “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		116-123	2014
72	Synchronous networks for insects surveillance	4	Không	SoICT 2015: Proceedings of the Sixth International Symposium on Information and Communication Technology	ACM - Scopus		163–170	2015
73	Optimizing the connection time for LEO satellite based on dynamic sensor field	4	Không	(LNICST) ContextAware Systems and Applications	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 – Scopus		165, 380-394	2015
74	The coverage model for the forest fire detection based on the wireless sensor network	4	Có	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		165, 187-197	2015
75	Forecasting the brown plant hopper infection levels using set-valued decision rules	4	Có	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		165, 177-186	2015
76	A federated approach for simulations in cyber-physical systems	5	Không	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		165, 165-394	2015
77	Classifying objective interestingness measures based on the tendency of value variation	4	Không	Quaderni di Ricerca in Didattica (http://math.unipa.it/~grim/menu_quaderni_mat.htm)	[ISSN 1592-4424]		25, 1, 143-172	2015
78	Hệ tư vấn dựa trên tiếp cận hàm ý thống kê	4	Không	FAIR 2015: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		297-308	2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

79	Cải thiện tốc độ tìm kiếm của mô hình đồ thị BT-Graph dựa trên nền tảng CUDA	3	Không	FAIR 2015: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		72-79	2015
80	Đánh giá việc phân cụm các độ đo lợi ích dựa trên ma trận giá trị tương tác	3	Có	FAIR 2015: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		152-164	2015
81	Phương pháp khử nhiễu trong phát hiện phổ quần thể rầy nâu dựa trên xử lý ảnh hình thái	3	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-2333]		121-127	2015
82	Đánh giá chất lượng luật quyết định đa trị dựa trên tiếp cận hàm ý thông kê	3	Không	FAIR 2015: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		119-129	2015
83	A Bayesian network approach for forecasting bacillus necrosis pangasius disease on the shark catfis	4	Không	FAIR 2015: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		1-10	2015
84	Bẫy đèn rầy nâu tự động	7	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-2333]		168-178	2015
85	Mô phỏng sự tác động của lượng mưa lên quá trình thủy triều tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2	Không	REV-ECIT 2015: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		60-65	2015
86	Mô phỏng phân bố rầy nâu bằng kỹ thuật nội suy không gian và mô hình đa tác tử	4	Không	CTU-CICT 2015: Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc về Công nghệ Thông tin	[ISBN 978-604-919-456-6] Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ		116-124	2015

87	Hệ tư vấn dựa trên khuynh hướng biến thiên hàm ý thống kê	2	Không	@ 2015: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XVIII về “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		93-99	2015
88	Mô phỏng quá trình ngập địa hình với sự tác động của thủy triều và lượng mưa tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2	Không	@ 2015: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XVIII về “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		136-141	2015
89	Thực hiện mạng cảm biến không dây thu thập và truyền dữ liệu khoảng cách xa đồng thời	4	Không	ICT-NHATRANG 2015: Hội thảo khoa học về Công nghệ Thông tin và Truyền thông	[ISBN: 978-604-62-4226-0] Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội		59-74	2015
90	Thực hiện hệ thống hỗ trợ triển khai nhanh mạng cảm biến không dây chuẩn Zigbee	5	Không	ICT-NHATRANG 2015: Hội thảo khoa học về Công nghệ Thông tin và Truyền thông	[ISBN: 978-604-62-4226-0] Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội		63-68	2015
91	Mô hình mạng giám sát rầy nâu dựa trên cellular automata	4	Không	ICT-NHATRANG 2015: Hội thảo khoa học về Công nghệ Thông tin và Truyền thông	[ISBN: 978-604-62-4226-0] Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội		39-43	2015
92	IoT services for solving critical problems in Vietnam: A research landscape and directions	8	Không	IEEE Internet Computing	Q2 - SCIE IF: 2.891		20, 5, 76 - 81	2016
93	Association-based recommender system using statistical implicative cohesion measure	4	Không	KSE 2016: Proceedings of the Eighth International Conference on Knowledge and Systems Engineering	IEEE - Scopus		144-149	2016

94	A parallel algorithm for determining the communication radius of an automatic light trap based on balltree structure	4	Không	KSE 2016: Proceedings of the Eighth International Conference on Knowledge and Systems Engineering	IEEE - Scopus		139-143	2016
95	Simulation the BPH spread with the impact of their natural enemies based on cellular automata and predator-prey model	5	Không	KSE 2016: Proceedings of the Eighth International Conference on Knowledge and Systems Engineering	IEEE - Scopus		121-126	2016
96	An abstract-based approach for text classification	3	Không	(LNICST) Nature of Computation and Communication	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		168, 237-245	2016
97	An approach to detecting brown plant hopper based on morphological operations	3	Không	(LNICST) Nature of Computation and Communication	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		168, 52-61	2016
98	An hierarchical scheduled algorithm for data dissemination in a brown planthopper surveillance network	5	Không	(LNICST) Nature of Computation and Communication	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		168, 246-263	2016
99	Modeling and optimizing of connections for dynamic sensor fields based on bt-graph	5	Không	(LNICST) Nature of Computation and Communication	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		168, 297-310	2016
100	Design and optimization of the automatic Brown PlantHopper (BPH) light trap surveillance network	4	Không	EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications	[ISSN 2409-0026]		3, 9, e2: 1-7	2016
101	Synchronous networks for bio-environmental surveillance based on cellular automata	3	Không	EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications	[ISSN 2409-0026]		3, 8, e5: 1-15	2016

102	Improving quality of Vietnamese text summarization based on sentence compression	4	Không	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications	Q4 - ESCI		7, 2, 362-366	2016
103	Statistical implicative similarity measures for user-based collaborative filtering recommender system	3	Không	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications	Q4 - ESCI		7, 11, 140-146	2016
104	Interestingnesslab: A framework for developing and using objective interestingness measures	6	Không	(AISC) Advances in Information and Communication Technology	[ISSN 2194-5357] Springer Q3 - Scopus		538, 302-311	2016
105	Sinh tự động trigger trên ngôn ngữ T-sql hỗ trợ anchor modeling trong sql server	5	Không	FAIR 2016: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ IX về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		645-650	2016
106	Mô phỏng xâm nhập mặn trên hệ thống cống tại Đồng bằng sông Cửu Long	5	Không	FAIR 2016: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ IX về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		360-369	2016
107	Hệ tư vấn lọc cộng tác theo người dùng dựa trên độ đo hàm ý thống kê	4	Không	FAIR 2016: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ IX về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		231-239	2016
108	Dự đoán gen biểu hiện cao cho thiết kế gen dùng trong tái tổ hợp	3	Không	FAIR 2016: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ IX về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		134-142	2016
109	Xác định số lượng rầy nâu trưởng thành dựa trên đặc trưng SIFT	4	Không	FAIR 2016: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ IX về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		836-845	2016

110	Giải pháp hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập dựa trên tiếp cận tập thô	4	Không	FAIR 2016: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ IX về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		151-158	2016
111	A novel approach for accessing semantic data by translating RESTful/JSON commands into SPARQL messages	3	Không	IEIE Transactions on Smart Processing and Computing	Q4 - Scopus		5, 3, 222-229	2016
112	Automated translation between RESTful/JSON and SPARQL messages for accessing semantic data	3	Không	ICEIC 2016: Proceedings of the International Conference on Electronics, Information, and Communications	IEEE - Scopus		115-118	2016
113	Tư vấn lọc cộng tác dựa trên người sử dụng dùng phép đo gắn kết hàm ý thống kê	4	Không	FAIR 2016: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ IX về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		752-760	2016
114	Monitoring of environment: A high performance method for radio coverage exploration	3	Không	RADIO 2016: IEEE Radio and Antenna Days of the Indian Ocean	IEEE		1-2	2016
115	Phát hiện phổ quần thể rầy nâu dựa trên tiếp cận xử lý ảnh hình thái	3	Không	FAIR 2015: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		555-563	2016
116	Parallel cellular automata based simulation of radio signal propagation	3	Không	(IJCSIS) International Journal of Computer Science and Information Security	[ISSN 1947-5500]		14,10, 467-472	2016
117	Coupling equation based models and agent-based models: Example of a multistrains and switch SIR toy model	5	Không	EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications	[ISSN 2409-0026]		4, 11, e1:1-11	2017
118	A morphological approach to counting BPH in light-	3	Không	ACOMP 2017: Proceedings of the 2017	IEEE Computer		10-15	2017

	trap images with overlapping individuals			International Conference on Advanced Computing and Applications	Society - Scopus			
119	Système de recommandation basé sur des mesures implicatives fortes	4	Không	Analyse Statistique Implicative : Points de vue conceptuels, applicatifs et métaphoriques	[ISBN 978-2-9562045-1-0]		506-529	2017
120	Recommended based on asymmetric user relations using timp (temporal implicative) measure	4	Không	Analyse Statistique Implicative : Points de vue conceptuels, applicatifs et métaphoriques	[ISBN 978-2-9562045-1-0]		491-505	2017
121	Wireless sensor network-based monitoring, cellular modelling and simulations for the environment	5	Không	ASM Science Journal	Q4 - Scopus		145-56	2017
122	User-based recommender systems using implicative rating measure	3	Không	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications	Q4 - ESCI		8, 11, 37-43	2017
123	Hệ tư vấn lọc cộng tác dựa trên các độ đo hàm ý thống kê	3	Không	REV-ECIT 2017: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		200-205	2017
124	Mô phỏng ảnh hưởng của sông và cống lên quá trình xâm nhập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long	3	Không	(DLUJS) Tạp chí khoa học - Đại học Đà Lạt	[ISSN 0866-787X]		7, 3, 358-378	2017
125	Mô phỏng ảnh hưởng của nước biển dâng xâm lấn đến khu vực sản xuất nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long	4	Không	FAIR 2017: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		1-13	2017
126	Tư vấn lọc cộng tác theo mục dựa trên độ biến thiên chỉ số hàm ý theo yếu tố	3	Không	@ 2017: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XX “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		372-379	2017

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	phản ví dụ trong trường hàm ý							
127	Tư vấn dựa trên độ biến thiên của chỉ số hàm ý trong trường hàm ý thống kê	3	Không	FAIR 2017: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		938-950	2017
128	Mô hình tư vấn lọc cộng tác tích hợp dựa trên ma trận tương đồng sản phẩm	3	Không	(UDN-JST) Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Đại học Đà Nẵng	[ISSN 1851-1531]		1, 110, 55-58	2017
129	Hệ tư vấn dựa trên độ đo cường độ hàm ý và trách nhiệm	3	Không	FAIR 2017: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		256-265	2017
130	Lựa chọn mô hình và tham số cho bài toán tư vấn lọc cộng tác dựa trên đồ thị đánh giá	3	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-2333]		171-178	2017
131	Tư vấn lai ghép dựa trên các độ đo hàm ý thống kê	3	Không	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ	[ISSN 1859-2333]		25-33	2017
132	Collaborative recommendation based on statistical implication rules	3	Không	(JCC) Journal of Computer Science and Cybernetics	[ISSN 1813-9663]		33, 3, 247-262	2017
133	Similarity kernel for user-based collaborative filtering recommendation system	3	Không	RIVF 2016 : Addendum Proceedings of the 2016 IEEE International Conference on Research, Innovation and Vision for the Future in Computing & Communication Technologies	IEEE		40-46	2017
134	Tư vấn lọc cộng tác theo mục dựa trên độ biến thiên chỉ số hàm ý theo yếu tố	3	Không	@ 2017: Hội thảo khoa học quốc gia lần thứ XX	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		372-379	2017

	phần ví dụ trong trường hàm ý			“Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”				
135	Decision making operations: arithmetic mean, geometric mean, harmonic mean in userbased collaborative filtering of multicriteria recommender systems	4	Không	CITA 2017: Hội thảo khoa học quốc gia lần thứ VI về Công nghệ thông tin và ứng dụng trong các lĩnh vực	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông [ISBN 978-604-80-2853-4]		30-37	2017
136	Cellular simulation for distributed sensing over complex terrains	3	Không	Sensors	Q2 - SCIE IF: 3.302		18,7, 2323	2018
137	Context-aware recommendation with objective interestingness measures	4	Không	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications, and Nature of Computation and Communication	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		266 150- 162	2018
138	Shallow and deep learning architecture for pests identification on pomelo leaf	5	Không	KSE 2018: Proceedings of the 10th International Conference on Knowledge and Systems Engineering	IEEE - Scopus		335-340	2018
139	Depth learning with convolutional neural network for leaves classifier based on shape of leaf vein	4	Không	(LNCS) Intelligent Information and Database Systems	[ISSN 0302-9743] Springer Q2 - Scopus		10751 565-575	2018
140	Simulating the irrigation operations with cellular automata	5	Có	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications, and Nature of Computation and Communication	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		266 195- 210	2018
141	Implicative rating- based hybrid recommendation systems	3	Không	(IJMLC) International Journal of Machine Learning and Computing	Q4 - Scopus		8, 3, 223-228	2018

142	Solution for ordered weighted averaging operator for making in the interaction multi- criteria decision in user-based collaborative filtering recommender system	4	Không	(IJMLC) International Journal of Machine Learning and Computing	Q4 - Scopus	8, 4, 45-49	2018
143	Collaborative filtering recommendation in the implication field	3	Không	(IJMLC) International Journal of Machine Learning and Computing	Q4 - Scopus	8, 3, 215-222	2018
144	Recommendation using rule based implicative rating measure	3	Không	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications	Q4 - ESCI	9, 4, 176-181	2018
145	Dự đoán hướng ngữ nghĩa của cụm từ trong khai phá quan điểm với độ đo thông tin tương hỗ	3	Không	(UDN-JST) Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Đại học Đà Nẵng	[ISSN 1859-1531]	108-112	2018
146	Hệ tư vấn dựa trên mục bằng tiếp cận hàm ý thống kê	3	Không	@2018: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXII “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT”	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật	131-136	2018
147	Lan truyền thông tin theo mức độ với mô hình SIR4OSN	6	Có	CITA 2019: Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia lần thứ VIII về “Công nghệ Thông tin & Ứng dụng trong các lĩnh vực”	[ISBN978-604-84-4453-2] Nhà xuất bản Đà Nẵng	207-214	2019
148	Distributed framework for automating opinion discretization from text corpora on Facebook	5	Có	IEEE Access	Q1 - SCIE IF: 4.098	7 78675 - 78684	2019
149	Recommendation with quantitative implication rules	4	Không	EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications	[ISSN 2409-0026]	6, 16, e2:1-8	2019

150	Item-based recommendation with Shapley value	4	Không	EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications	[ISSN 2409-0026]		6, 17, e2:1-8	2019
151	A scalable IoT video data analytics for smart cities	4	Không	EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications	[ISSN 2409-0026]		6, 19, e2:1-8	2019
152	A model for real-time traffic signs recognition based on the YOLO algorithm – A case study using Vietnamese traffic signs	5	Không	(LNCS) Future Data and Security Engineering	[ISSN 0302-9743] Springer Q2 - Scopus		11814 104-116	2019
153	Dissolved oxygen simulation of catfish pond with cellular automata	6	Có	KSE 2019: Proceedings of the 11th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)	IEEE - Scopus		1-10	2019
154	Aspect extraction with bidirectional GRU and CRF	3	Không	RIVF 2019: Proceedings of the 2019 International Conference on Computing and Communication Technologies	IEEE - Scopus		1-5	2019
155	CDNN model for insect classification based on deep neural network approach	5	Không	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications, and Nature of Computation and Communication	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		298 127-142	2019
156	Predicting of flooding in the Mekong Delta using satellite images	6	Có	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications, and Nature of Computation and Communication	[ISSN 1867-8211] Springer Q4 - Scopus		298 143-156	2019
157	Text classification based on keywords with different thresholds	4	Không	ICIIT 2019: Proceedings of the 4 th International	ACM - Scopus		101-106	2019

				Conference on Intelligent Information Technology				
158	A developing method for distributed sensing systems	3	Không	ICMLSC 2019: Proceedings of the 3 rd International Conference on Machine Learning and Soft Computing	ACM - Scopus		210-214	2019
159	Improved collaborative filtering recommendations using quantitative implication rules mining in implication field	4	Không	ICMLSC 2019: Proceedings of the 3 rd International Conference on Machine Learning and Soft Computing	ACM - Scopus		110-116	2019
160	A cellular automata approach to simulate the diffusion of antibiotic residues on the surface of a river	5	Không	ICMLSC 2019: Proceedings of the 3 rd International Conference on Machine Learning and Soft Computing	ACM - Scopus		154-159	2019
161	Simulating the spreading of brown plant hoppers based on cellular automata	5	Có	(CCPE) Concurrency Computation Practice and Experience	Q2 - SCIE IF:1.167		e5261:1-9	2019
162	Automated pneumonia detection in x-ray images via depthwise separable convolution based learning	3	Không	FAIR 2019: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ XII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		32-40	2019
163	Genres and actors/actresses as interpolated tags for improving movie recommender systems	6	Không	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications	Q4 - ESCI		11,2, 67-74	2019
164	Dự đoán kinh doanh ngày black friday sử dụng phương pháp học cây tăng cường độ dốc lớn	4	Không	FAIR 2019: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ XII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	[ISBN 978-604-913-915-4] Nhà xuất bản Khoa học Tự		49-56	2019

					nhiên và Công nghệ			
165	Tư vấn bằng xếp hạng hàm ý thống kê trên dữ liệu không phải nhị phân	4	Không	(UDN-JST) Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Đại học Đà Nẵng	[ISSN 1859-1531]		17, 1.1, 99-104	2019
166	Coastline erosion and accretion discovering	2	Không	@ 2019: Kỳ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXII “Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật		60-64	2019
167	Multiscale geographic exploration, observation, simulation, and representation	5	Không	MACS 2019: The 13th International Conference on Mathematics, Actuarial Science, Computer Science and Statistics	IEEE		1-8	2019
168	So sánh các độ đo trong phân cụm văn bản tiếng Việt	5	Không	FAIR 2019: Kỳ yếu Hội nghị KHCN quốc gia lần thứ XII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		414-422	2019
169	Dữ liệu mở liên kết	1	Có	ATiGB 2019: Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc gia - Ứng dụng công nghệ mới trong công trình xanh	[ISBN 978-604-80-4202-8] Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông		297-312	2019
170	Phần mềm mã nguồn mở cho “công trình xanh”	1	Có	ATiGB 2019: Hội thảo khoa học quốc gia - Ứng dụng công nghệ mới trong công trình xanh	[ISBN 978-604-80-4202-8] Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông		325-337	2019
171	Plant identification using new architecture convolutional neural networks combine with	4	Không	(VJCS) Vietnam Journal of Computer Science	[ISSN 2196-8888]		7, 2, 197-208	2020

	replacing the red of color channel image by vein morphology leaf							
172	Bidirectional independently Long Short-Term Memory and Conditional Random Field integrated model for aspect extraction in sentiment analysis	3	Không	(AISC) Frontiers in Intelligent Computing: Theory and Applications	[ISSN 2194-5357] Springer Q3 - Scopus		1014 131-140	2020
173	Context-similarity collaborative filtering recommendation	7	Có	IEEE Access	Q1 - SCIE IF: 4.098		8 33342 - 33351	2020
174	A novel single valued neutrosophic hesitant fuzzy time series model: Applications in Indonesian and Argentinian stock index forecasting	7	Có	IEEE Access	Q1 - SCIE IF: 4.098		8 60126 - 60141	2020
175	Plant species identification from leaf patterns using histogram of oriented gradients feature space and convolution neural networks	4	Không	Journal of Information and Telecommunication	[ISSN 2475-1839]		4, 2, 140-150	2020
176	BPH sensor network optimization based on cellular automata and honeycomb structure	8	Có	(MONET) Mobile Networks and Applications	Q2 - SCIE IF: 2.881		25, 1140 - 1150	2020
177	Simulating mangroves rehabilitation with cellular automata	7	Có	ICMLSC 2020: Proceedings of the 4 th International Conference on Machine Learning and Soft Computing	ACM - Scopus		40-45	2020
178	Discovered changes in rice occupation with satellite	8	Có	ICMLSC 2020: Proceedings of the 4 th	ACM - Scopus		86-97	2020

	images based on random forest approach			International Conference on Machine Learning and Soft Computing				
179	Cyber Physical System: Achievements and challenges	5	Không	ICMLSC 2020: Proceedings of the 4 th International Conference on Machine Learning and Soft Computing	ACM - Scopus		129-133	2020
180	Movie recommender systems made through tag interpolation	7	Không	ICMLSC 2020: Proceedings of the 4 th International Conference on Machine Learning and Soft Computing	ACM - Scopus		154-158	2020
181	Analysis of atmospheric quality based on cellular automata simulation	7	Có	ICIIT 2020: Proceedings of the 5 th International Conference on Intelligent Information Technology	ACM - Scopus		27-33	2020
182	An affinity propagation approach for entity clustering with Spark	5	Không	ICIIT 2020: Proceedings of the 5 th International Conference on Intelligent Information Technology	ACM - Scopus		51-55	2020
183	Recommender systems using collaborative tagging	7	Không	(IJDWM) International Journal of Data Warehousing and Mining	Q4 - SCIE IF: 0.968		16, 3, 183-200	2020
184	Recommender systems based on resonance relationship of criteria with Choquet operation	5	Có	(IJDWM) International Journal of Data Warehousing and Mining	Q4 - SCIE IF: 0.968		16,4	2020
185	Open data for environment sensing: Crowdsourcing geolocation data	6	Không	EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications	[ISSN 2409-0026]		7, 20, e4:1-8	2020
186	Explanation of the convolutional neural network classifying chest x-ray images supporting pneumonia diagnosis	4	Không	EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications	[ISSN 2409-0026]		18 e2:1-7	2020

187	Binning approach based on classical clustering for type 2 diabetes diagnosis	5	Có	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications	Q4 - ESCI		11, 3, 630-637	2020
188	Effective opinion words extraction for food reviews classification	4	Có	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications	Q4 - ESCI		11,6	2020
189	Automatic keywords-based classification of Vietnamese texts	6	Không	RIVF 2020: 2020 International Conference on Computing and Communication Technologies	IEEE - Scopus		1-3	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 13.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có.					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 0.

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có.				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 0.

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

Không có.

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
1	Hệ thống thông tin (Tiến sĩ)	Tham gia	Trường Đại học Cần Thơ
2	Khoa học máy tính (Thạc sĩ)	Tham gia	Trường Đại học Cần Thơ
3	Thông tin học (Đại học/Cử nhân)	Chủ trì	Trường Đại học Cần Thơ
4	Hệ thống thông tin (Tiến sĩ) – Sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo	Tham gia	Trường Đại học Cần Thơ
5	Kỹ thuật phần mềm (Kỹ sư) – Sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo	Tham gia	Trường Đại học Cần Thơ
6	Ban cố vấn đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Tham gia	Trường Đại học Cần Thơ
7	Dự án DREAM (Decision-support Research for Environmental Applications and Models)	Tham gia	Trường Đại học Cần Thơ

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):.....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 1 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Xuân Hiệp